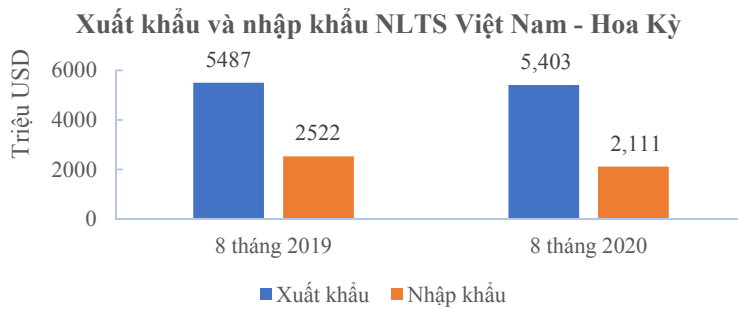


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



TÌNH HÌNH CHUNG

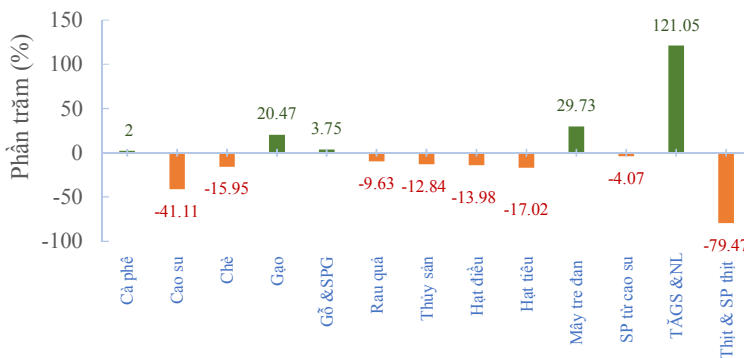


So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ

(8T/2020 – 8T/2019)

- Xuất khẩu ▼ 01,53 %
- Nhập khẩu ▼ 16,31 %

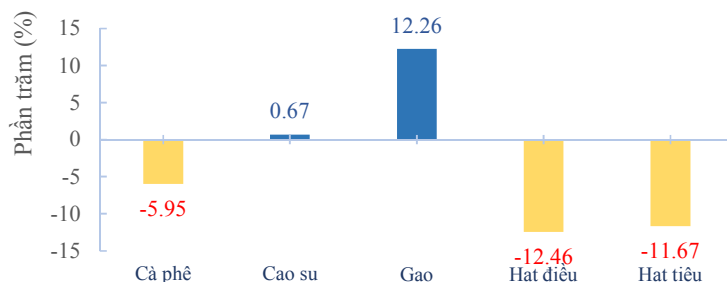
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 8 tháng 2020/19



So sánh 8T/2020 với 8T/2019

- Cà phê ▲ 02 %
- Cao su ▼ 41,11%
- Chè ▼ 15,95 %
- Gạo ▲ 20,47 %
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 3,75 %
- Rau quả ▼ 9,63 %
- Thủy sản ▼ 12,84 %
- Hạt điều ▼ 13,98 %
- Hạt tiêu ▼ 17,02 %
- Mây tre đan ▲ 29,73 %
- SP từ cao su ▼ 04,07 %
- TĂGS và NL ▲ 121,05%
- Thịt và SP thịt ▼ 79,47%

Biến động giá xuất khẩu BQ 8T/2020 - 8T/2019



So sánh giá xuất khẩu 8T/2020 – 8T/2019

- Cà phê ▼ 05,95 %
- Cao su ▲ 00,67 %
- Gạo ▲ 12,26 %
- Hạt điều ▼ 12,46 %
- Hạt tiêu ▼ 11,67 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh và suy thoái kinh tế, Hoa Kỳ vẫn là đối tác hàng đầu trong xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Xuất khẩu NLTS Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 8/2020 tăng 3,39% so với tháng trước, đạt 1,1 tỷ USD, cao nhất trong 8 tháng đầu năm, tăng 34,67% so với cùng kỳ tháng 8/2019.

Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ là gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 65%), thủy sản (chiếm 16%), hạt điều (8%), các sản phẩm khác như mây tre đan, sản phẩm từ cao su, cà phê (khoảng 2%). So với tháng 7/2020, nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, nhiều nhất là cao su tăng 50%, hạt điều tăng 28%, sản phẩm từ cao su tăng 23%, rau quả tăng 17%, cà phê tăng 10%. Trong khi đó, xuất khẩu một số mặt hàng giảm, đặc biệt là chè giảm mạnh nhất với 42%, tiếp đến là gạo giảm 12%, thịt và sản phẩm thịt giảm 11%. Tuy nhiên, so với cùng kỳ, thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng cao nhất ở mức 131%, tiếp đến là mây tre đan tăng 79%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 49%, sản phẩm cao su 41%, thủy sản tăng 20%. Trong khi đó, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm như chè giảm 62%, thịt và sản phẩm thịt giảm 40%, cao su giảm 34%, gạo giảm 22% (chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Mặc dù chiếm tỷ trọng không cao trong kim ngạch xuất khẩu NLTS sang Hoa Kỳ, xuất khẩu rau quả trong tháng 8 rất đáng ghi nhận với mức tăng 18% so với tháng trước. Ngày 14/9, Bộ Nông nghiệp và PTNT cùng Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam và đại diện một số cơ quan đã tổ chức cuộc họp nhằm thúc đẩy nhập khẩu nông sản từ thị trường Hoa Kỳ. Hiện Hoa Kỳ đã mở cửa thị trường cho 6 loại trái cây của Việt Nam bao gồm: thanh long, nhãn, vú sữa, vải, xoài, chôm chôm và dự kiến cuối năm nay sẽ có thêm loại trái cây thứ 7 là bưởi da xanh. Ngày 25/9, Đại sứ quán Hoa Kỳ cũng đã phối hợp cùng Cục Bảo vệ thực vật – Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức họp báo về “Công tác kiểm dịch thực vật thúc đẩy xuất khẩu trái cây sang Hoa Kỳ” do chuyên gia của Cơ quan kiểm dịch động thực vật Mỹ (APHIS) đã tới Việt Nam từ ngày 2/9 và hoàn thành thời gian cách ly y tế, có kết quả âm tính với virus corona và bắt đầu làm việc trở lại tại Trung tâm chiếu xạ Sơn Sơn.

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Trong tháng 8/2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ đạt 182,86 triệu USD tăng 19,89% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 22,45% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Tôm và cá ngừ là 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất trong đó tôm chiếm 60,00%. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự tính hỗ trợ khoảng 530 triệu USD cho các nhà khai thác thủy sản Mỹ để bù đắp cho những thiệt hại thuế quan nước ngoài. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, người tiêu dùng Hoa Kỳ có xu hướng tiếp cận với các sản phẩm protein động vật có giá phải chăng như cá rô phi. Nhập khẩu file cá rô phi đông lạnh của Hoa Kỳ phục hồi trở lại sau khi nước này

đỡ bỏ mức thuế 25% đối với cá rô phi nhập khẩu từ Trung Quốc. Từ ngày 01/8/2020, Liên minh châu Âu (EU) cũng đã loại bỏ thuế quan đối với các sản phẩm tôm hùm sống và đông lạnh nhập khẩu từ Hoa Kỳ trên cơ sở Tối huệ quốc (MFN).

Cháy rừng và bão gió ảnh hưởng đang làm phức tạp thêm việc thu hoạch táo ở Bờ Tây (Washington và Okanagan, British Columbia), trong đó Washington là một trong những bang sản xuất táo quan trọng nhất của Hoa Kỳ, nước xuất khẩu táo lớn thứ hai thế giới. Việc cung cấp táo gặp gián đoạn do thiếu lao động và các vấn đề về chuỗi cung ứng do đại dịch cùng với các mức thuế trả đũa từ Trung Quốc và Ấn Độ. Vụ thu hoạch táo của Washington dự kiến sẽ ít hơn 10% so với ước tính ban đầu là 134 triệu hộp 40 pound. Vụ Thống kê Nông nghiệp Quốc gia của USDA (NASS) đã công bố dự báo vụ hoa quả năm 2020 mới nhất của mình vào ngày 12 tháng 8. Theo đó sản lượng thu hoạch dự kiến giảm ở táo và đào, trong khi tăng đối với nam việt quất, lê và nho.

Ngày 14/9, chính quyền Tổng thống Trump đã hoãn kế hoạch cấm nhập khẩu trên diện rộng với các sản phẩm bông và cà chua từ khu tự trị Tân Cương của Trung Quốc và công bố các lệnh cấm hẹp hơn đối với sản phẩm từ 5 tổ chức cụ thể.

Do tác động nặng nề của dịch bệnh nền kinh tế Hoa Kỳ đối mặt với nhiều thách thức. Tính đến nay, Hoa Kỳ đã thông qua hơn 3.000 tỷ USD chi tiêu liên bang để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân khi các hoạt động kinh tế đình trệ đột ngột. Thâm hụt ngân sách liên bang trong năm tài chính 2020 dự kiến sẽ đạt 3.300 tỷ USD, tức tăng gấp ba lần thâm hụt trong năm tài chính 2019, bằng 16% GDP Hoa Kỳ, mức cao nhất kể từ năm 1945 khi Hoa Kỳ gánh chịu chi phí chiến tranh từ Thế chiến II. Trước đó, báo cáo của công ty BofA Global Research cho thấy tổng nợ của các công ty và doanh nghiệp Hoa Kỳ dưới hình thức trái phiếu hoặc khoản vay đã đạt mức cao kỷ lục 10.500 tỷ USD, tức tăng hơn 30 lần so với cách đây nửa thế kỷ. Trong đó, các công ty có xếp hạng tín dụng cao từ AAA đến BBB nợ tổng cộng xấp xỉ 7.200 tỷ USD. Khủng hoảng không chỉ gói gọn trong nợ công chính phủ Hoa Kỳ, Quỹ Ủy thác An sinh Xã hội dự báo sẽ cạn tiền vào năm 2031, sớm hơn một năm so với dự kiến, Quỹ tín thác bảo hiểm bệnh viện của Medicare cũng trên đà cạn kiệt tiền vào năm 2024, thay vì năm 2026. Các nhà theo dõi ngân sách của Mỹ cảnh báo nợ chồng chất sẽ đẩy lùi tốc độ tăng trưởng kinh tế, làm tăng lãi suất và khiến chính phủ khó chi tiêu hơn khi các khoản thanh toán lãi suất tăng dần lên theo thời gian.

Đến nay, chính phủ Mỹ đã cam kết chi hơn 3.000 tỷ USD để giải cứu nền kinh tế. Tuy nhiên, số ca nhiễm Covid-19 tại Mỹ vẫn tiếp tục tăng trong khi các chương trình cứu trợ sắp kết thúc. Hơn 5 triệu người Mỹ đã nhiễm virus và trên 160.000 người tử vong. Số ca mắc mới hàng ngày tăng gấp ba so với tháng 5. Một số bang như Texas và California đã phải áp dụng lại các biện pháp giãn cách xã hội. Với các nền kinh tế lớn khác cũng đang lao đao vì dịch Covid-19. Các nghị sĩ Dân chủ tại Hạ viện đã công bố dự luật cứu trợ COVID-

19 trong nỗ lực đạt được thỏa thuận lưỡng đảng trước cuộc bầu cử tháng 11. Gói cứu trợ 2.200 tỷ USD này giảm đáng kể so với đề xuất ban đầu 3.400 tỷ USD, gồm các khoản hỗ trợ cho chính quyền địa phương, giáo dục, doanh nghiệp nhỏ và những nỗ lực ứng phó dịch bệnh như xét nghiệm, truy vết và cách ly người nhiễm.

Nguy cơ tái bùng phát dịch Covid-19 vào mùa Thu có thể khiến nền kinh tế Mỹ rơi vào suy thoái kép. Nền kinh tế Mỹ kỳ vọng tăng trưởng trở lại trong quý 3 và quý 4 năm nay sau mức sụt giảm sâu trong quý 2. Các chương trình cứu trợ khẩn cấp của chính phủ và Fed đã giúp nhiều doanh nghiệp thoát khỏi bờ vực phá sản, nhưng sẽ cần nhiều thời gian để kinh tế Mỹ quay trở lại trạng thái bình thường.

Theo các chuyên gia kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ trong tháng 8 ở mức 10,2% và có thể tăng cao hơn khi Chương trình Bảo vệ tiền lương (PPP), vốn cấp các khoản vay ưu đãi giúp các doanh nghiệp tiếp tục trả lương cho nhân viên, sẽ hết hạn. Dự tính với tiến độ hồi phục còn hạn chế hiện nay, nhiều doanh nghiệp vẫn phải vật lộn để tồn tại trong những tháng tới.

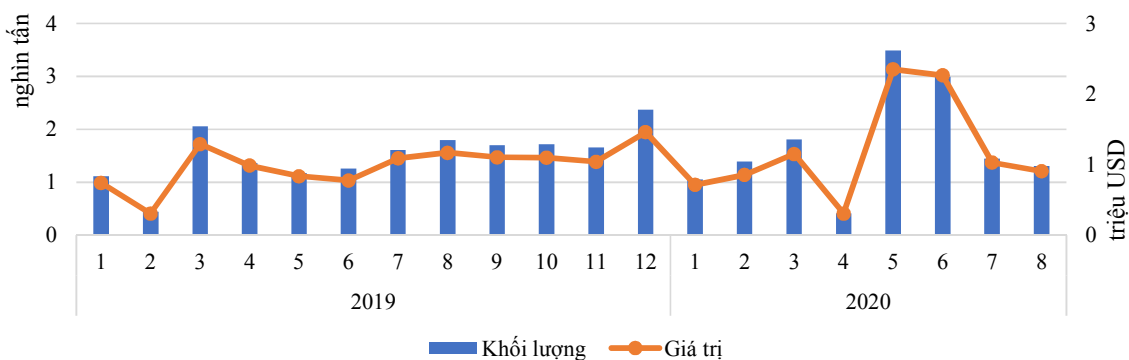
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 9/2020 của USA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2020 vẫn được báo là sẽ sụt giảm hơn 1,24 triệu tấn, từ 7,11 triệu tấn của năm 2019 xuống còn 5,86 triệu tấn. Nguyên nhân chính là do lượng mưa nhiều ở miền Nam đã ảnh hưởng lớn đến diện tích và năng suất lúa. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hoa Kỳ ước đạt 1,19 triệu tấn, tăng 204 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2020, Việt Nam xuất khẩu được 1,3 nghìn tấn gạo, trị giá 0,9 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 9,8% về khối lượng và 12,0% về giá trị so với tháng 7/2020, và giảm 27,1% về khối lượng và 22,3% về giá trị so với tháng 8/2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2020 đạt 13,9 nghìn tấn, trị giá 9,6 triệu USD, tăng 29,4% về khối lượng và 33,8% về giá trị so với tám tháng đầu năm 2019.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ

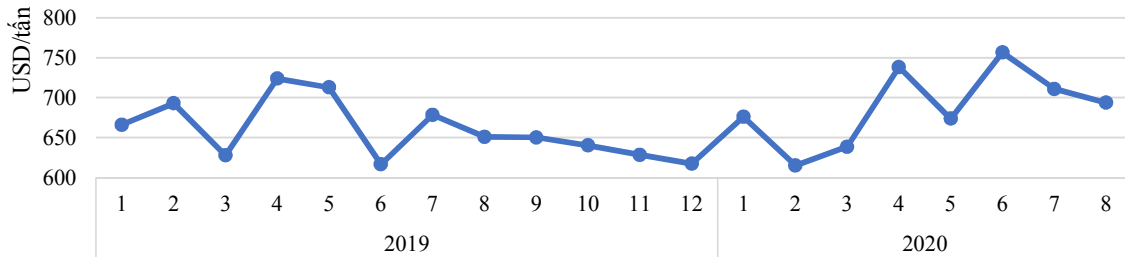


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2020, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 0,9 nghìn tấn, trị giá 645,1 nghìn USD (chiếm 68,7% về khối lượng và 71,1% về giá trị); so với tháng 8/2019, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã giảm 10,8% về khối lượng và 8,8% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng đạt 319 tấn, trị giá 163,7 nghìn USD (chiếm 24,3% về khối lượng và 18,0% về giá trị); so với tháng 8/2019, xuất khẩu gạo trắng sang Hoa Kỳ đã giảm 51,6% về khối lượng và 49,5% về giá trị. Đứng thứ ba là gạo Japonica đạt 62 tấn, trị giá 45,6 nghìn USD (chiếm 4,7% về khối lượng và 5,0% về giá trị); so với tháng 8/2019, xuất khẩu gạo Japonica sang Hoa Kỳ đã giảm 16,0% về khối lượng và 17,2% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2020 đạt 693,7 USD/tấn, giảm 2,4% so với tháng 7/2020 nhưng tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2019.

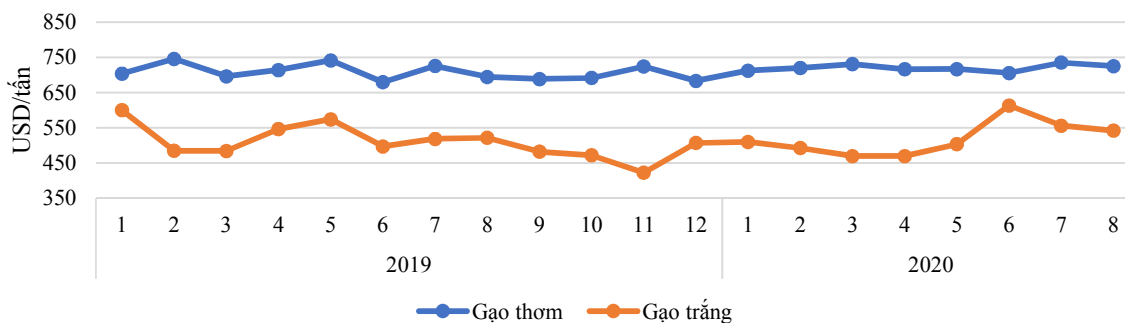
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ có xu hướng giảm trong tháng. Cụ thể, giá xuất khẩu gạo thơm tháng 8/2020 đạt trung bình 725,3 USD/tấn, giảm 1,4% so với tháng 7/2020 nhưng tăng 4,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo trắng đạt 542,2 USD/tấn, giảm 2,6% so với tháng trước nhưng tăng 3,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

*Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

Trong tháng 8/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon, Công ty CP Phước Đạt và Công ty CP Soharice. Ba công ty này chiếm lần lượt 18,8%, 17,1% và 17,0% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 8/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon giảm 53,6% kim ngạch, Công ty CP Phước Đạt không xuất khẩu trong tháng 8/2019 nhưng có xuất khẩu trong tháng 8/2020, còn Công ty CP Soharice giảm 54,9% kim ngạch.

2. RAU QUẢ

Theo dự báo ngày 12/8/2020 của Dịch vụ thống kê nông nghiệp quốc gia của USDA (NASS), vụ mùa năm 2020 sản lượng táo và đào giảm, trong khi sản lượng nam việt quất, lê, nho tăng. So sánh với cùng kỳ năm 2019, táo giảm 3%, đào giảm 5%, nam việt quất tăng 13%, lê tăng 10% và nho tăng 4%.

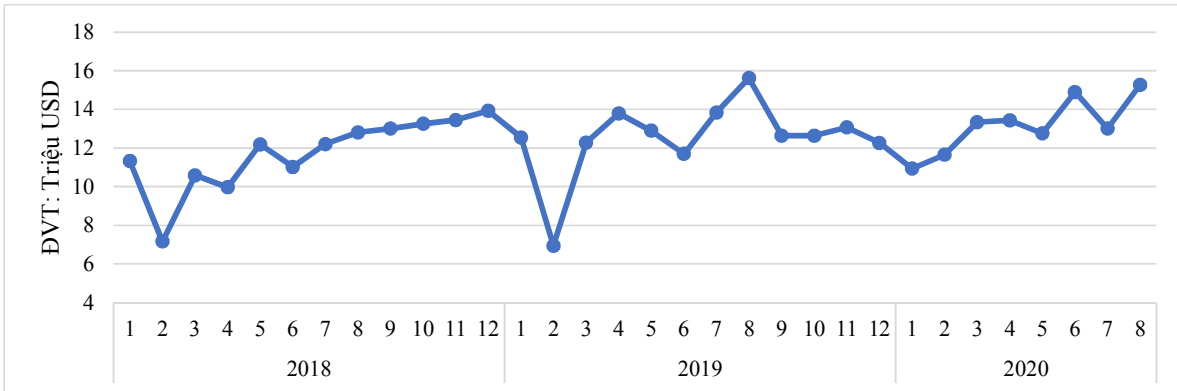
Ngày 14/9, chính quyền Tổng thống Trump đã hoãn kế hoạch cấm nhập khẩu trên diện rộng với các sản phẩm bông và cà chua từ khu tự trị Tân Cương của Trung Quốc và công bố các lệnh cấm hẹp hơn đối với sản phẩm từ 5 tổ chức cụ thể. Dựa theo luật pháp Hoa Kỳ, lệnh giam hàng “Withhold Release Orders (WRO)” cho phép Cục Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (CBP) giam giữ các lô hàng nghi là liên quan đến sức lao động cưỡng ép để chống lại hành vi buôn người, sử dụng lao động trẻ em và các hành vi vi phạm nhân quyền khác.

Ngày 14/9, Bộ Nông nghiệp và PTNT cùng Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam và một số cơ quan đã tổ chức cuộc họp nhằm thúc đẩy nhập khẩu nông sản từ thị trường Hoa Kỳ với mong muốn duy trì hài hòa trong quan hệ thương mại nông sản giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Hiện nay, giữa Việt Nam và Hoa Kỳ cũng có nhiều mặt hàng nông sản mà hai nước có lợi thế, không xung đột nhau mà cả hai nước đều có nhu cầu nhập khẩu (Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu trái cây ôn đới, Hoa Kỳ có nhu cầu nhập khẩu rau quả nhiệt đới). Hiện Hoa Kỳ đã mở cửa thị trường cho 6 loại trái cây của Việt Nam bao gồm: thanh long, nhãn, vú sữa, vải, xoài, chôm chôm và dự kiến cuối năm nay sẽ có thêm loại trái cây thứ 7 là bưởi da xanh.

Ngày 25/9, Đại sứ quán Hoa Kỳ phối hợp cùng Cục Bảo vệ thực vật – Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức họp báo về “Công tác kiểm dịch thực vật thúc đẩy xuất khẩu trái cây sang Hoa Kỳ” do chuyên gia của Cơ quan kiểm dịch động thực vật Hoa Kỳ (APHIS) đã tới Việt Nam từ ngày 2/9 và hoàn thành thời gian cách ly y tế, có kết quả âm tính với virus corona và bắt đầu làm việc trở lại tại Trung tâm chiếu xạ Sơn Sơn.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8 năm 2020 đạt 15,3 triệu USD, chiếm 5,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 17,4% so với tháng trước (đạt 13 triệu USD) và giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 15,6 triệu USD). Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 105,2 triệu USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 99,6 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

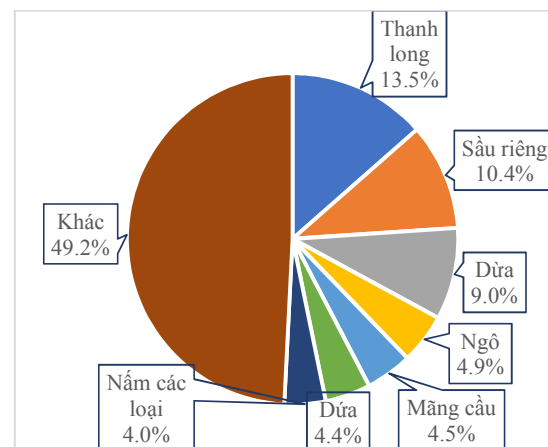


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 8 năm 2020, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 7,8 triệu USD (chiếm 51,2% thị phần, giảm 14,5% so với cùng kỳ năm 2019) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,5 triệu USD (chiếm 48,8% thị phần, tăng 102,9%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,8 triệu USD (tăng 208,2%); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2,1 triệu USD (giảm 21,1%); (iii) trái cây ngâm, cô đặc, mứt, dẻo (mã HS.2007) đạt 799,7 nghìn USD (gấp 10 lần năm 2019); (iv) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 589,8 nghìn USD (giảm 47%).

Trong tháng 8 năm 2020, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm thanh long đạt 1,9 triệu USD (chiếm 12,3% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 41,3 so với cùng kỳ năm 2019); sầu riêng đạt 1,4 triệu USD (chiếm 9,5%, tăng 210%); dứa đạt 1,3 triệu USD (chiếm 8,2%, tăng 37,3%); ngô đạt 0,7 triệu USD (chiếm 4,4%, tăng 18,8%); măng cầu đạt 0,6 triệu USD (chiếm 4,1%, tăng 22,2%); dứa đạt 0,6 triệu USD (chiếm 4%, tăng 41,5%);

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8 năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 8 năm 2020 đạt 23,6 triệu USD, chiếm 23% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 28,8% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 33,1 triệu USD). Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 204,5 triệu USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 188,4 triệu USD). Trong tháng 8/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là nho đạt 10,6

triệu USD (chiếm 45,1%, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2019); anh đào đạt 2,3 triệu USD (chiếm 9,8%, giảm 64,2%); táo đạt 1,9 triệu USD (chiếm 7,9%, tăng 4,3%); hạnh nhân đạt 1,3 triệu USD (chiếm 5,6%, giảm 79,8%);...

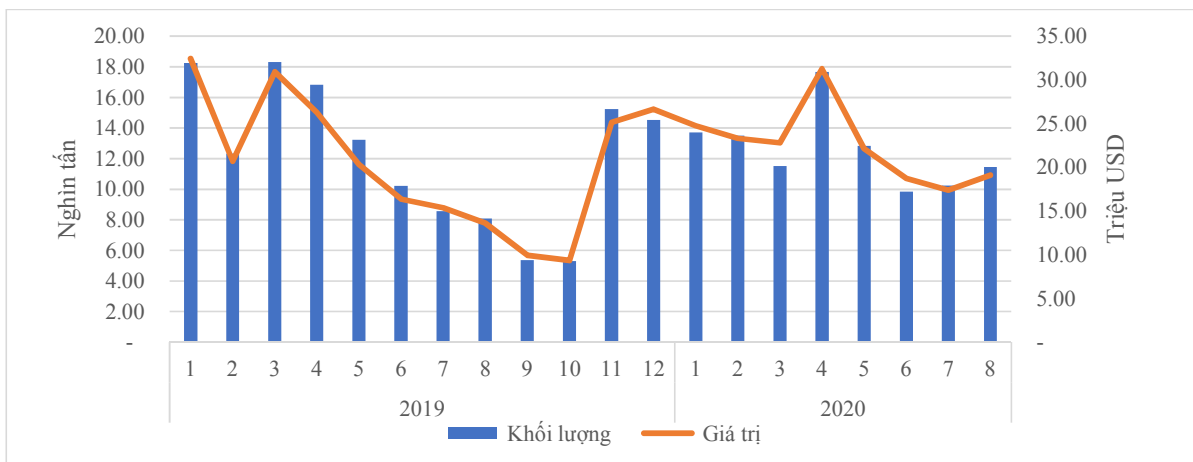
Trong tháng 8/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang và Công ty TNHH XNK trái cây Chánh Thu với giá trị lần lượt là 3,1 triệu USD (tương đương 13,2% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 8/2020); 0,7 triệu USD (2,8%) và 0,5 triệu USD (2,1%). So với cùng kỳ năm 2019, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II tăng 6,6%, Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang 15,4% và Công ty TNHH XNK trái cây Chánh Thu tăng 288%.

3. CÀ PHÊ

Hiện nay, Việt Nam đứng thứ 3 về xuất khẩu cà phê vào Hoa Kỳ. Tháng 7/2020, cà phê Việt Nam chiếm 8,2% về khối lượng và chiếm 4,1% tổng giá trị nhập khẩu cà phê tại thị trường này. Đứng thứ nhất là Columbia với 23,2% về khối lượng, 23,1% về giá trị; theo sau là Brazil với 21,4% khối lượng và 13,1% về giá trị.

Trong tháng 8/2020, Việt Nam xuất khẩu 11,4 nghìn tấn cà phê sang Hoa Kỳ, giá trị đạt 19,1 triệu USD, tăng 11,7% về giá trị và tăng 9,9% khối lượng so với tháng 7/2020. So với cùng kỳ năm 2019, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường này tăng 41,6% về khối lượng và tăng 40,6% về giá trị. Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường Hoa Kỳ đạt 100,7 nghìn tấn và đạt 179,6 triệu USD, giảm 4,8% về khối lượng nhưng tăng 2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



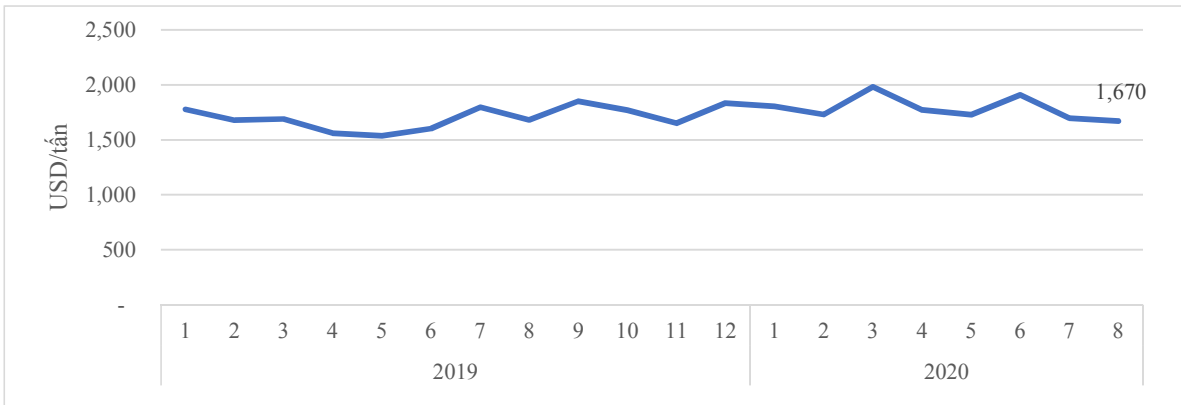
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử cafein (mã HS 090111) vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam (chiếm 92% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào Hoa Kỳ), đồng thời đây là sản phẩm chiếm thị phần chính tại thị trường Hoa Kỳ (chiếm 72,7% tổng khối lượng nhập khẩu cà phê loại này của Hoa Kỳ). Trong khi đó, các loại cà phê qua chế biến dần nâng cao được giá trị. Cụ thể, cà phê chưa rang, đã khử cafein (mã HS 090112) tăng 34,4% về khối lượng và tăng 28,3% về giá trị; cà phê đã rang, đã khử cafein (mã HS 090122) tăng 56,1% về giá trị; cà phê hòa tan, tinh chất (mã HS 2101) tăng 32,6% về khối lượng và tăng 2,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Tháng 8/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ là 1.670 USD/tấn, giảm 1,6% so với tháng 7/2020 và giảm 0,7% so với tháng 8/2019. Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, giá cà phê xuất khẩu tại Hoa Kỳ tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2019,

mức giá bình quân đạt 1.782 USD/tấn. Đồng USD suy yếu, chứng khoán công nghệ Hoa Kỳ sụt giảm, sức tiêu thụ hàng hóa toàn cầu chậm lại vì dịch bệnh Covid-19 lần hai, căng thẳng thương mại Trung – Hoa Kỳ vẫn tiếp tục nóng. Người trồng cà phê tại Brazil vẫn đẩy mạnh bán hàng khi có thể, bởi tỷ giá đồng Real đang ở mức có lợi, trong khi họ đang đối diện một vụ mùa mới bước đầu khá thuận lợi do có dự báo mưa bao phủ khắp các vùng trồng chính. Tất cả những yếu tố này gây áp lực lớn lên khả năng tăng giá cà phê trong thời gian tới.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

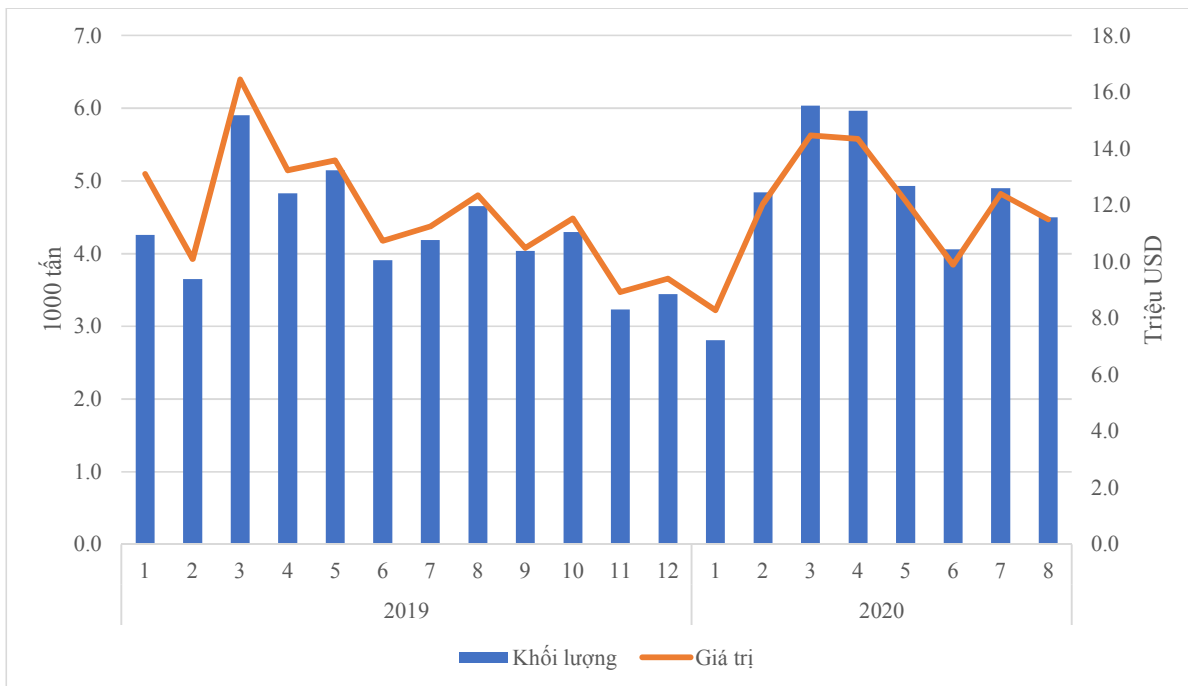
Theo Hiệp hội Cà phê hạt của Hoa Kỳ (GCA), tồn kho cà phê khả dụng vùng Bắc Hoa Kỳ giảm mạnh tính đến hết tháng 08/2020. Lượng cà phê trong các kho cảng thuộc quyền trong tháng 8/2020 giảm 4,38% so với tháng 7/2020, còn 404,7 nghìn tấn cà phê. Đây là tháng có mức giảm nhiều nhất tính từ tháng 2/2020 và là tháng giảm sâu nhất trong thời gian đại dịch Covid-19.

4. HỒ TIÊU

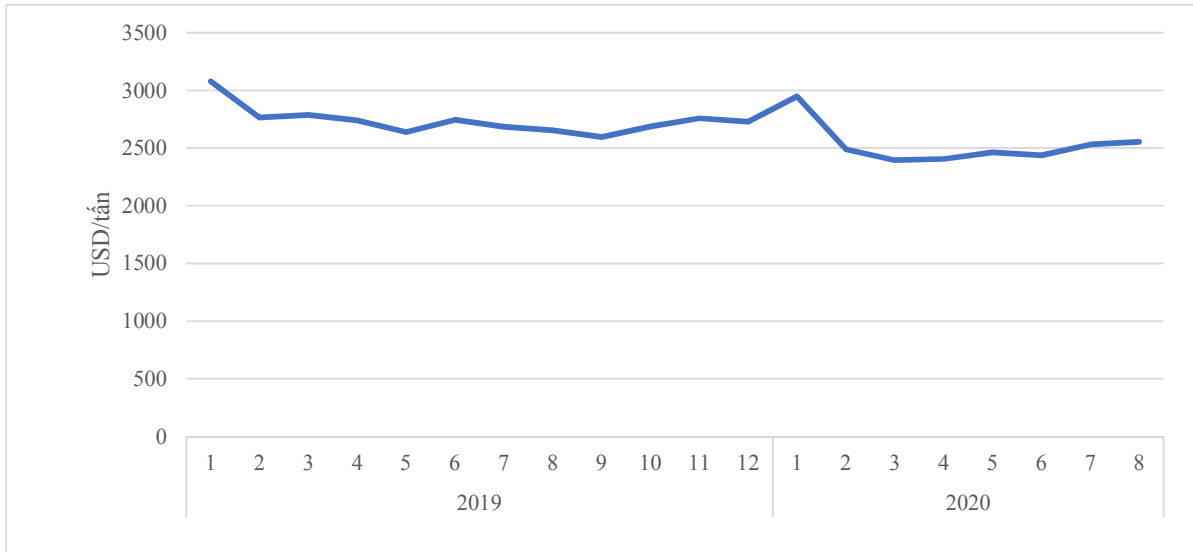
Việt Nam vẫn là nước cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho Hoa Kỳ và tiếp tục tăng thị phần trong 7 tháng đầu năm 2020 (xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam chiếm 64% trong tổng giá trị nhập khẩu hồ tiêu của Hoa Kỳ, tăng thêm 2,1% so với cùng kỳ năm 2019). Trong khi đối thủ cạnh tranh của Việt Nam là Ấn Độ bị giảm thị phần trong tổng giá trị nhập khẩu hồ tiêu của Hoa Kỳ xuống còn 7% trong 7 tháng đầu năm 2020.

Trong tháng 8/2020, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 4,5 nghìn tấn tương đương 11,5 triệu USD, giảm 8% về lượng và 7% về giá trị so với tháng trước và giảm 3% về lượng và 6% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 8 tháng năm 2020, lượng hồ tiêu của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ vẫn tăng trưởng tốt (đạt 38 nghìn tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái). Tuy nhiên giá trị xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2020 chỉ đạt 95 triệu USD, giảm 6% so với năm ngoái.

Hình 8: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ, 2019-2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hình 9: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hoa Kỳ

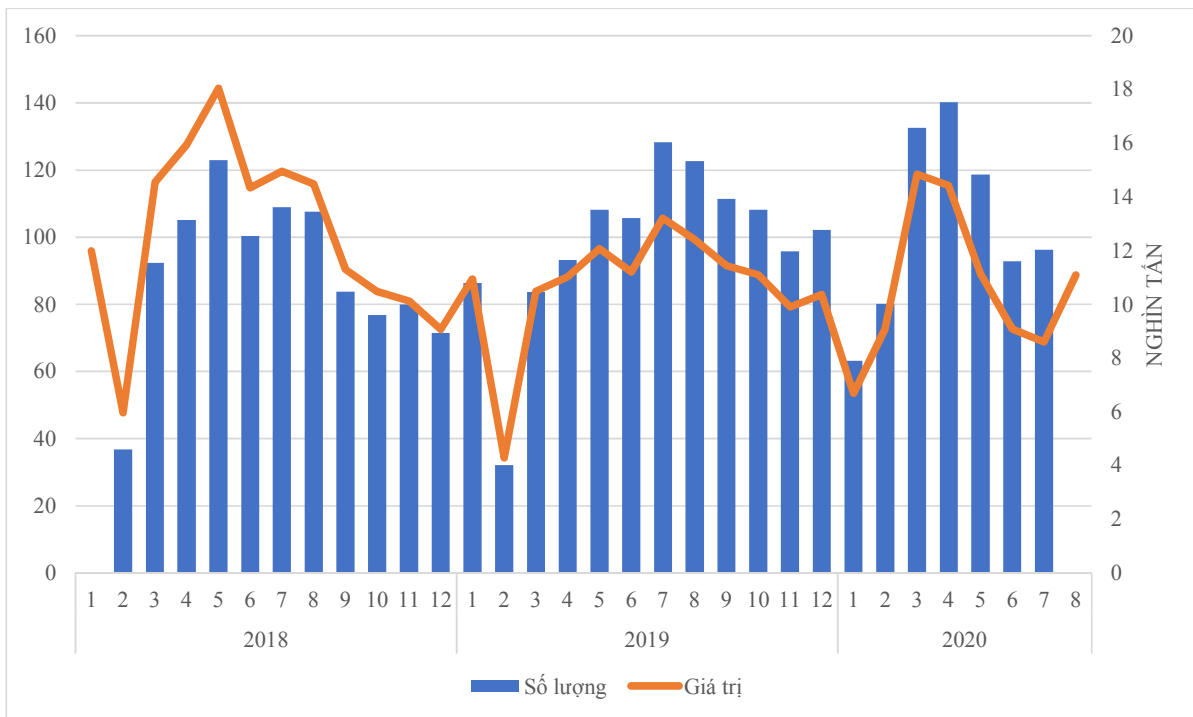
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2020 giá xuất khẩu hồ tiêu tăng nhẹ lên mức 2.556 USD/tấn, tăng 1% so với tháng 7, nhưng vẫn giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu trong tháng 8/2020 tăng là nhờ giá hồ tiêu trên thị trường thế giới có xu hướng tăng trở lại do các hoạt động mua bán sôi động hơn trên các thị trường. Giá hồ tiêu Sri Lanka, Indonesia hay Brazil đều tăng từ 300-400 USD/tấn. Còn tính chung 8 tháng 2020, giá hồ tiêu giảm so với cùng kỳ năm 2017 do tình hình dịch bệnh phức tạp, sức mua giảm, đồng thời nhà sản xuất hồ tiêu lớn thứ hai thế giới Brazil từ chối tham gia Cộng đồng Hồ tiêu Quốc tế.

5. HẠT ĐIỀU

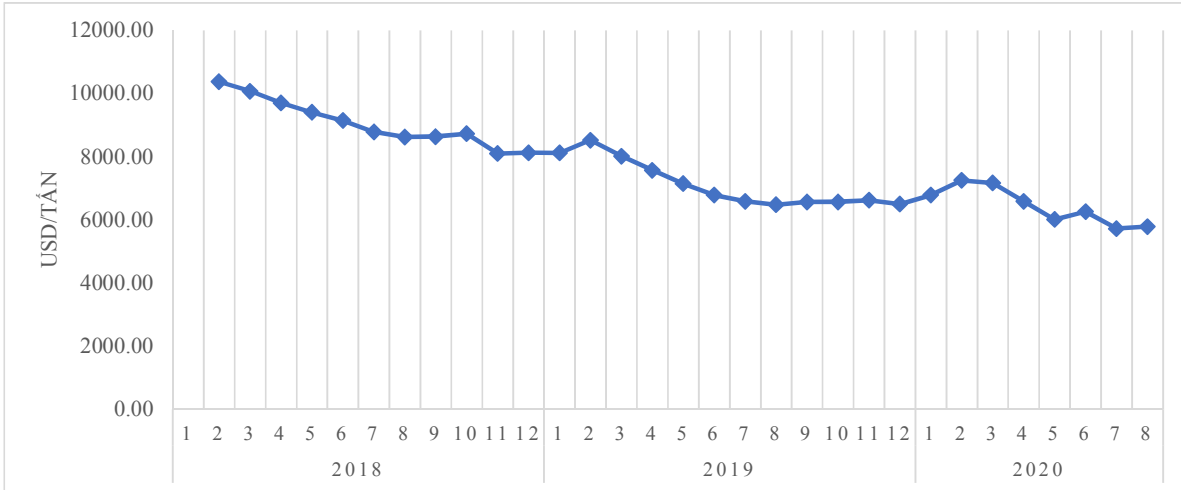
Xuất khẩu điều nhân sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 8/2020 sôi động trở lại, đạt 15,34 nghìn tấn, trị giá 88,8 triệu USD, tăng 27,5% về khối lượng và 28,9% về giá trị so với tháng 07/2020. Tuy vậy, so với cùng kỳ năm 2019, giá trị xuất khẩu sang thị trường này vẫn giảm 10,6%. Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, lượng xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ vẫn đạt mức tăng trưởng khả quan, bất chấp ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Khối lượng điều nhân xuất khẩu sang thị trường này đạt 105,83 nghìn tấn và 679,65 triệu USD, tăng 11,35% về khối lượng, nhưng giảm 0,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2020 đạt 5.784 USD/tấn, tăng nhẹ 1,12% so với tháng 07/2020, tuy nhiên vẫn giảm 10,67% so với cùng kỳ năm 2019. Hiện nay giá điều thô đang có xu hướng tăng, đã kéo giá điều nhân tăng theo. Trong 2 tuần cuối tháng 8 giá điều nhân đã tăng khoảng 110 - 220 USD/tấn, giao động ở mức 6.128 đến 7054 USD/tấn đối với mã W320 FOB.

Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá điều nhân xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đang tăng nhẹ trong giai đoạn ngắn do phía Việt Nam đang bị thiếu hụt điều thô cục bộ. Các nhà máy lớn của Việt Nam vẫn có nhu cầu nhập điều thô nhưng do giá quá cao không cân đối được với giá điều nhân, nên họ giảm công suất chế biến để chờ khi giá điều thô hạ. Lượng cung điều thô trên thế giới vẫn còn rất lớn, Indonesia đang vào vụ thu hoạch, còn Tanzania mùa điều mới sẽ bắt đầu từ tuần đầu tiên của tháng 10, Đông Phi sẽ vào tháng 11. Vì thế có thể trong 1-2 tháng tới giá điều nhân có thể đảo chiều. Hiện nay tại thị trường nội địa có hiện tượng giá điều nhân tăng liên tục, cao hơn cả giá FOB. Nguyên nhân chủ yếu do một số công ty thiếu hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký từ trước cần mua nhân điều nội địa. Và một số các công ty thương khác mại đang gom điều nhân nhằm đẩy giá lên để bán điều thô. Do vậy khuyến cáo dành cho các nhà máy chế biến điều của Việt Nam nên thận trọng, không nên đầu cơ điều thô với mức giá hiện tại nếu chưa có hợp đồng bán điều nhân.

Dự kiến sang đến quý IV xuất khẩu điều nhân sẽ có khởi sắc, vì vào những tháng cuối năm các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ sẽ tăng nhập khẩu phục vụ nhu cầu các dịp lễ cuối năm.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Theo báo cáo dự báo ngành chăn nuôi tháng 9 của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, tình hình nhập khẩu thịt của nước này trong giai đoạn từ tháng 1/2020 đến tháng 7/2020 có những biến động trái chiều so mới cùng kỳ năm trước. Trong khi nhập khẩu thịt bò, cừu tăng thì nhập khẩu thịt lợn giảm. Nhập khẩu thịt bò của Hoa Kỳ đã tăng 8,5% trong 7 tháng đầu năm nay. Tổng số các nhà cung cấp thịt bò lớn của Hoa Kỳ, nhập khẩu từ Úc và Canada giảm, trong khi nhập khẩu từ New Zealand, Mexico, Brazil, Uruguay và Nicaragua tăng. Nhập khẩu thịt lợn giảm gần 12%, chủ yếu do lượng nhập khẩu từ Ba Lan giảm. Đối với thị trường trong nước, trong tháng 8, sản lượng giết mổ thịt bò lần đầu tiên đã vượt qua mức cùng kỳ năm ngoái, tính kể từ hồi tháng 3 đến nay. Sản lượng giết mổ ước tính cao hơn khoảng gần 1% so với tháng 8/2019.

Khối lượng nhập khẩu thịt bò thực tế của Hoa Kỳ trong tháng 7 cũng được ghi nhận cao hơn dự kiến trước đó, ở mức hơn 12,4% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng nhập khẩu thịt bò tháng 7/2020 của Hoa Kỳ đạt 377 triệu pound (~188,5 nghìn tấn), tăng 41% so với năm ngoái. Bốn nhà cung cấp thịt bò lớn nhất của Hoa Kỳ là Úc, Canada, New Zealand và Mexico, tổng cộng chiếm 80% lượng nhập khẩu thịt bò trong tháng 7 của nước này. Bên cạnh đó, một phần tăng trưởng nhập khẩu thịt bò trong tháng 7 này được cho là từ các nhà cung cấp ở khu vực Nam Mỹ và Trung Mỹ gồm Argentina, Nicaragua và Brazil. Lượng thịt bò xuất khẩu của Argentina vào Hoa Kỳ đã tăng hơn 21 triệu pound (~10,5 nghìn tấn) so với năm ngoái, và Nicaragua và Brazil cũng tăng lần lượt 17 và 11 triệu pound so với cùng kỳ (~8,5 và 5,5 nghìn tấn).

Trong khi đó, xuất khẩu thịt bò của Hoa Kỳ đã giảm 8%, tương đương 22 triệu pound (~11 nghìn tấn) so với cùng kỳ năm 2019, chỉ đạt mức 252 triệu pound (~126 nghìn tấn) trong tháng 7. Mặc dù mức giảm này thấp hơn so với tháng 6, nhưng đây là tháng thứ tư liên tiếp xuất khẩu thịt bò bị suy giảm của nước này. Thị trường xuất khẩu sụt giảm lớn Mexico, giảm hơn 20 triệu pound (~10 nghìn tấn) so với cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân được USDA đưa ra một phần là do giá thịt bò Hoa Kỳ cao, trong khi Mexico đang đối mặt với suy thoái kinh tế và đồng peso giảm giá so với đồng đô la Mỹ. Bên cạnh đó, xuất khẩu thịt bò của Hoa Kỳ sang thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc cũng giảm nhẹ trong tháng 7. Tuy nhiên, cũng có một số thị trường tăng trưởng như Canada, Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc.

Đối với thịt lợn, ngành công nghiệp chế biến của Hoa Kỳ đã phục hồi trong tháng 7 và tháng 8 sau khi phải cắt giảm sản lượng do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Theo cáo cáo của USDA, công suất chế biến bình quân đã đạt 94,7% trong tháng 7 và 95,2% trong tháng 8, đến nửa đầu tháng 9 đã phục hồi đạt 96,6% công suất. Xuất khẩu thịt lợn của Hoa Kỳ

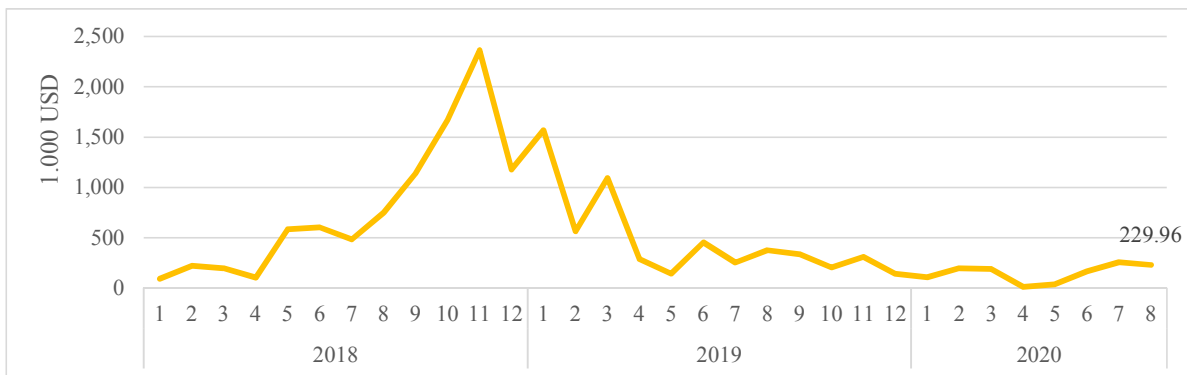
trong tháng 7 đạt khoảng 555 triệu pound (~27,5 nghìn tấn), tăng 2,5% so với tháng 7 năm 2019. Tương tự như tháng trước, xuất khẩu tháng 7 vẫn ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu do các đơn hàng lớn xuất sang Trung Quốc và Hồng Kông.

Sản lượng gà thịt trong tháng 7 của Hoa Kỳ ước tính đạt 3,7 tỷ pound (~1,85 triệu tấn), giảm 3,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Sự sụt giảm này bao gồm giảm 3,6% số lượng giết mổ. Dữ liệu xuất khẩu gần đây từ bốn thị trường xuất khẩu gà thịt lớn nhất của Hoa Kỳ (theo khối lượng) cho thấy triển vọng tăng trưởng không ổn định cho cuối năm. Đáng chú ý, khối lượng xuất khẩu sang Trung Quốc đã tăng đều đặn trong 5 tháng đầu năm 2020, đạt hơn 82 triệu pound (~41 nghìn tấn) vào tháng Năm. Tuy nhiên, sau đó, các lô hàng gà thịt sang Trung Quốc đã giảm xuống, còn 39 triệu pound (~19,5 nghìn tấn) trong tháng 7, cho thấy triển vọng xuất xuất thịt gà sang Trung Quốc là không ổn định. Ngược lại, mặc dù các lô hàng xuất khẩu sang Mexico đã giảm so với năm trước trong những tháng gần đây, mà một phần lớn là do điều kiện kinh tế trong nước yếu do bị ảnh hưởng bởi COVID-19, xu hướng gần đây cho thấy nhu cầu từ Mexico có thể đang được cải thiện. Ngoài ra, các đơn hàng đến Việt Nam đã tăng đều đặn kể từ tháng 5, cho thấy xu hướng tăng trưởng nhu cầu ở thị trường này, và các đơn hàng xuất khẩu đến Đài Loan vẫn tăng cao đều đặn hàng năm.

Về giá thịt, trong tháng qua, giá lợn nạc giao tháng 10/2020 thị trường Chicago, Mỹ biến động tăng trong tháng qua với mức tăng 14,725 UScent/lb lên 68,325 UScent/lb. Giá thịt lợn tăng khi Đức xác nhận các trường hợp lợn rừng bị nhiễm dịch tả lợn châu Phi, khiến thị trường hy vọng rằng Trung Quốc sẽ tăng nhập khẩu thịt lợn của Mỹ.

Giá trị xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam vào Hoa Kỳ tháng 8 năm 2020 đạt 229,96 nghìn USD, chiếm 2,9% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 10,9% so với tháng trước và giảm 38,9% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung cả 8 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt sang thị trường này đạt 1,2 triệu USD, giảm 74,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 12: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8 năm 2020, có 6 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, trong đó gồm: Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản SEASPIMEX (chiếm 52%); công ty TNHH Thương Mại - Xuất Nhập Khẩu Hải sản Minh Phương (chiếm 36,53%); Công ty TNHH Dịch Vụ Thương mại An Khôi và công ty TNHH Tân Thành Lợi lần lượt chiếm 7,4% và 3,6% giá trị xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 8. Các sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ chủ yếu là đùi ếch đông lạnh, ba ba tron, kỳ tôm, v.v.

Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt từ thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2020 đạt 21,60 triệu USD, chiếm 11,1% tổng nhập khẩu ngành thịt, tăng 34,9% so với tháng trước và tăng 63,7% so với cùng kỳ năm 2019. Cụ thể, nhập khẩu nhiều nhất là sản phẩm gà đông lạnh, đạt 11,73 triệu USD, chiếm 54,32%, tăng 35% so với tháng trước. Thịt lợn đông lạnh là sản phẩm tăng trưởng mạnh nhất trong tháng 8, tăng 174,25% so với tháng 7/2020 đạt 4,15 triệu USD. Ngoài khi đó, sản phẩm thịt bò đông lạnh giảm 5,8% so với tháng 7/2020, đạt giá trị 3,7 triệu USD.

7. THỦY SẢN

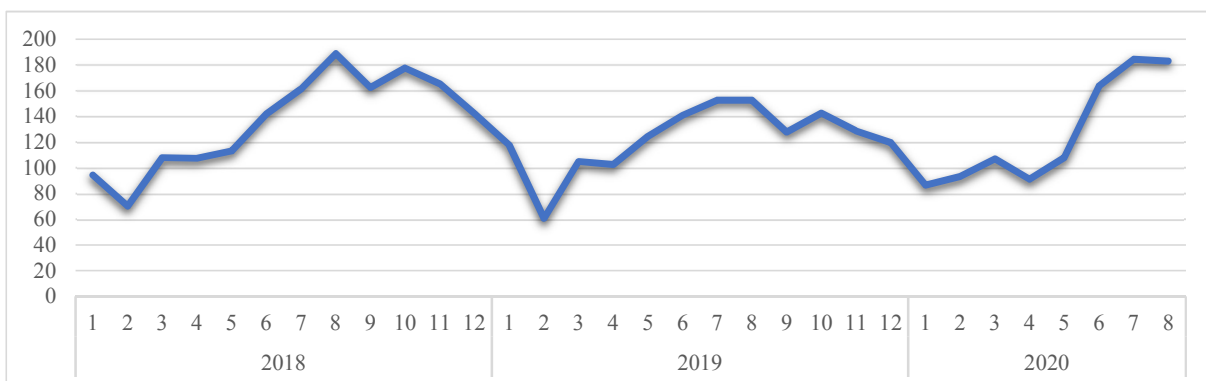
Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) sẽ hỗ trợ khoảng 530 triệu USD cho các nhà khai thác thủy sản Hoa Kỳ để bù đắp cho những thiệt hại thuế quan nước ngoài. Số tiền này sẽ được giải ngân thông qua Chương trình Cứu trợ Thương mại Thủy sản (STRP), được tài trợ bởi Tổng công ty Tín dụng Hàng hóa, do Cơ quan Dịch vụ Nông nghiệp USDA quản lý.

Phân khúc thị trường của các sản phẩm thủy sản ở thị trường Hoa Kỳ có nhiều thay đổi do người tiêu dùng Hoa Kỳ có xu hướng tiếp cận với các sản phẩm protein động vật có giá phải chăng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Lượng người thất nghiệp tăng khiến ngành bán lẻ chuyển sang tiêu thụ các sản phẩm với giá cả phải chăng hơn, bao gồm cá rô phi. Nhập khẩu file cá rô phi đông lạnh của Hoa Kỳ phục hồi trở lại sau khi nước này dỡ bỏ mức thuế 25% đối với cá rô phi nhập khẩu từ Trung Quốc.

Liên minh châu Âu (EU) đã loại bỏ thuế quan đối với các sản phẩm tôm hùm sống và đông lạnh nhập khẩu từ Hoa Kỳ. EU đã xóa bỏ thuế quan đối với tôm hùm của Hoa Kỳ trên cơ sở Tối huệ quốc (MFN), có hiệu lực từ ngày 1/8/2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường, Hoa Kỳ đạt 182,86 triệu USD tăng 19,89% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 22,45% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường đang giữ được tốc độ tăng trưởng tốt trong những tháng gần đây và là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam (chiếm 22,45%). Tôm và cá ngừ là 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất: tôm chiếm 60,00%; cá ngừ chiếm 16,02%.

Hình 13: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 8/2020 đạt 109,72 triệu USD tăng 29,12% so với cùng kỳ năm 2019, đưa giá trị xuất khẩu tôm 8 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 494,35 triệu USD, tăng 20,14%.

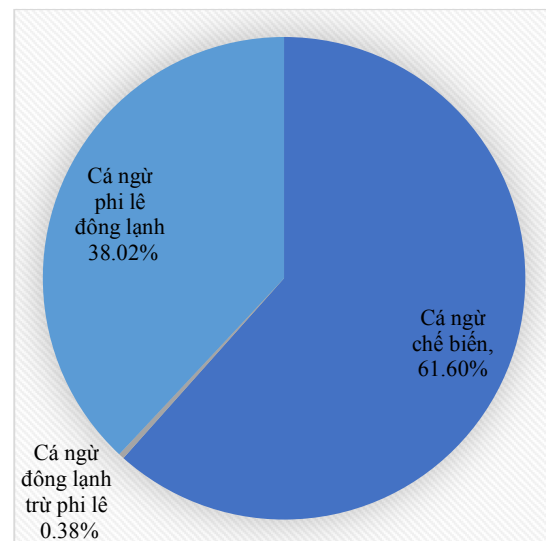
Sản phẩm tôm của Việt Nam đang có nhiều lợi thế so với các sản phẩm tôm của Ấn Độ. Bên cạnh tác động tiêu cực do Covid mang lại cho ngành hàng tôm nước này đang đối diện với dịch bệnh do mưa nhiều ở bang Andhra Pradesh (bang sản xuất tôm lớn nhất của Ấn Độ) trong cuối tháng 8 và đầu tháng 9/2020 điều này tác động lớn đến sản lượng tôm xuất khẩu của quốc gia này.

Tôm thẻ chân trắng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất ở thị trường này. Cụ thể, tính riêng tháng 8/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 102,14 triệu USD, chiếm 93,09% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 40,87% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 0,62 triệu USD, chiếm 5,90%, giảm 40,16%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 1,10 triệu USD, chiếm 1%, giảm 33,10%.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 8 năm 2020 đạt 20.77 triệu USD, tăng 4,18% so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra 8 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 154,55 triệu USD, giảm 17,74% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 8/2020, giá trị xuất khẩu cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê đạt 0,69 triệu USD, tăng 3,29 lần so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra phi-lê đạt 20,08 triệu USD, tăng 0,85%.

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cá ngừ lớn nhất của Việt Nam, trong 8 tháng đầu năm giá trị xuất khẩu đạt 182,77 triệu USD, giảm 16,42% so với cùng kỳ năm 2019. Tính riêng tháng 8/2020, giá trị xuất khẩu cá ngừ đạt 29,29 triệu USD, tăng 4,18% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 11,14 triệu USD, giảm 40,58% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu cá ngừ tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt 0,11 triệu USD, giảm 42,88%; cá ngừ chế biến đạt 18,04 triệu USD, tăng 96,56%.

Hình 14: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2020

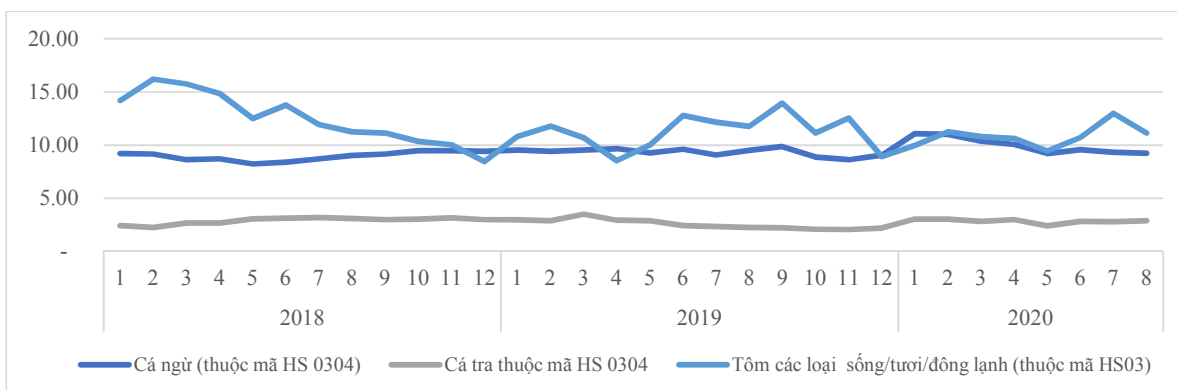


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ như sau: Mực và bạch tuộc đạt 0,62 triệu USD, giảm 46,69%; Cua – ghẹ đạt 6,50 triệu USD, tăng 4,29 lần; Các loại thủy sản khác đạt 15,95 triệu USD, giảm 3,52% so với cùng kỳ 2019.

Giá xuất khẩu cá ngừ (thuộc mã HS 0304) tháng 8/2020 đạt trung bình 9,23 USD/kg, giảm 2,81% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cá tra (thuộc mã HS 0304) đạt trung bình 2,87 USD/kg, tăng 26,68%; Tôm các loại (thuộc mã HS03) đạt 11,14 USD/kg, giảm 5,40%.

Hình 15: Giá một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng đạt 26,02 triệu USD, chiếm 14,23% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty Cổ phần thủy sản Minh Phú – Hậu Giang đạt 11,88 triệu USD chiếm 6,50%; Công ty cổ phần thủy sản sạch Việt Nam đạt 9,83 triệu USD chiếm 5,38%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo số liệu của Ủy ban Thương mại Hoa Kỳ, thị trường nhập khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ Hoa Kỳ dần hồi phục, trong tháng 7 năm nay Hoa Kỳ nhập khẩu khoảng 3,6 tỷ USD gỗ và các sản phẩm từ gỗ¹, tương đương (99.9%) so với tháng 7 năm 2019. Tuy vậy, tính gộp 7 tháng đầu năm, tổng lượng nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ chỉ bằng 91,3% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chính dẫn đến nhập khẩu giảm so với năm 2019 chủ yếu do tác động của dịch bệnh gây gián đoạn chuỗi cung ứng và giảm thu nhập khả dụng của người tiêu dùng. Còn những tín hiệu tích cực từ thị trường Hoa Kỳ được nhận định do: 1) Xu hướng làm việc tại nhà tăng nhanh trong bối cảnh đại dịch (ước tính 50% nhân viên văn phòng tại Hoa Kỳ làm việc ở nhà) dẫn đến tăng nhu cầu về bàn, ghế và các dụng cụ văn phòng cho làm việc tại nhà; 2) Thị trường nhà ở tại Hoa Kỳ khôi phục trở lại (trong tháng 6/2020 đã tăng 73% so với tháng 5; Số căn hộ đơn bán ra tháng 7/2020 tăng 9,8% so với năm 2019, lượng tồn kho về nhà ở tại Hoa Kỳ tháng 7/2020 giảm 21.1% so với năm 2019).

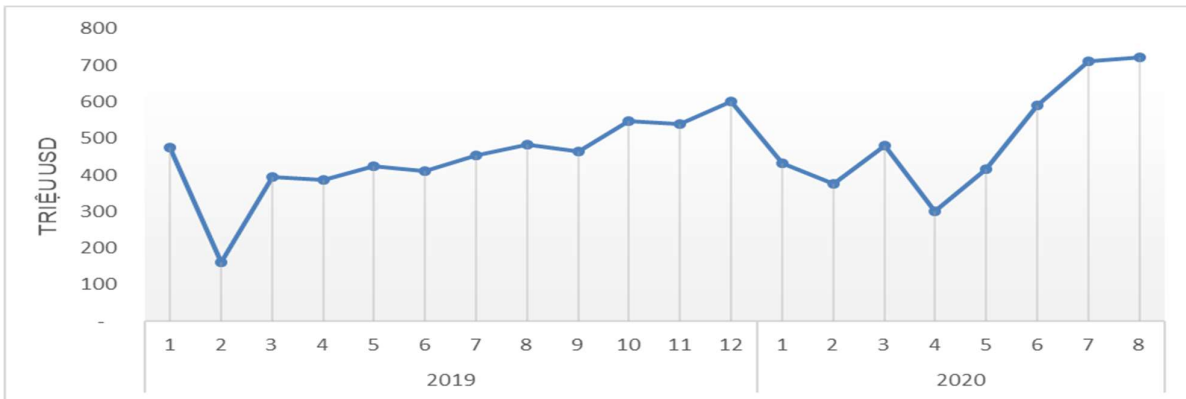
Gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam đang dần chiếm thị phần lớn hơn trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của Hoa Kỳ. Cụ thể, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ trong tháng 7 chiếm khoảng 19.2% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm mặt hàng này của Hoa Kỳ, đặc biệt các sản phẩm nội thất từ gỗ của Việt Nam chiếm đến 34.0% tổng giá trị nhập khẩu của thị trường Hoa Kỳ. Tính lũy kế 7 tháng đầu năm 2020, gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam chiếm 18.5% thị phần nhập khẩu của Hoa Kỳ, trong đó đồ gỗ nội thất của Việt Nam chiếm vị trí thứ nhất 33.0% tổng kim ngạch nhập khẩu đồ gỗ nội thất của Hoa Kỳ (tỷ lệ này lần lượt là 11.7% và 20.0% cùng kỳ năm ngoái).

Tại thị trường Hoa Kỳ, chứng kiến sự suy giảm về thị phần xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Trung Quốc. Cụ thể, 7 tháng năm 2019 Trung Quốc chiếm 28,2% tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Hoa Kỳ, trong đó sản phẩm nội thất từ gỗ chiếm 38.2%, trong khi cùng kỳ năm nay (7 tháng năm 2020), thị phần của Trung Quốc lần lượt là 18.4% với tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ và 23.6% với đồ nội thất từ gỗ giảm khoảng 10% về thị phần ngành gỗ nói chung và 15% về đồ gỗ nội thất nói riêng. Với xu hướng giảm thị phần của Trung Quốc, ngoài Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm 2020 các nước khác trong khu vực Đông Nam Á cũng tích cực gia tăng thị phần của mình như: Malaysia (tăng từ 2.8% thị phần lên 3.8% với nhóm gỗ và đồ gỗ; 4.1% lên 6.4% với nhóm đồ nội thất từ gỗ); Indonesia (tăng từ 2.7% thị phần lên 3.4% với nhóm gỗ và đồ gỗ; 3.1% lên 3.9% với nhóm đồ nội thất từ gỗ).

¹ Danh mục gỗ và các sản phẩm gỗ được tính: 'gỗ' được hiểu là các nhóm các mặt hàng thuộc Chương 44 (HS 44) của hệ thống phân loại hàng hóa của hải quan, được mô tả là 'gỗ và các mặt hàng từ gỗ' (từ mã HS 4401 tới 4421). 'Sản phẩm gỗ' là các nhóm các mặt hàng thuộc Chương 94 (HS 94), được mô tả là 'nhóm đồ nội thất' gồm các mã HS 940161; 940196; 943030; 943040; 943050; 943060; và 943090

Về xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào Hoa Kỳ, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính của Việt Nam, giá trị xuất khẩu vào thị trường này chiếm 55.1% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành trong 8 tháng đầu năm 2020. Xuất khẩu tiếp tục xu hướng tăng trong tháng 8/2020 với kim ngạch đạt khoảng 723 triệu USD, tăng khoảng 1.5% so với tháng 7/2020. Nâng tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường này 8 tháng đầu năm 2020 lên 4,03 tỷ USD, tăng 26.1% so với 8 tháng năm 2019.

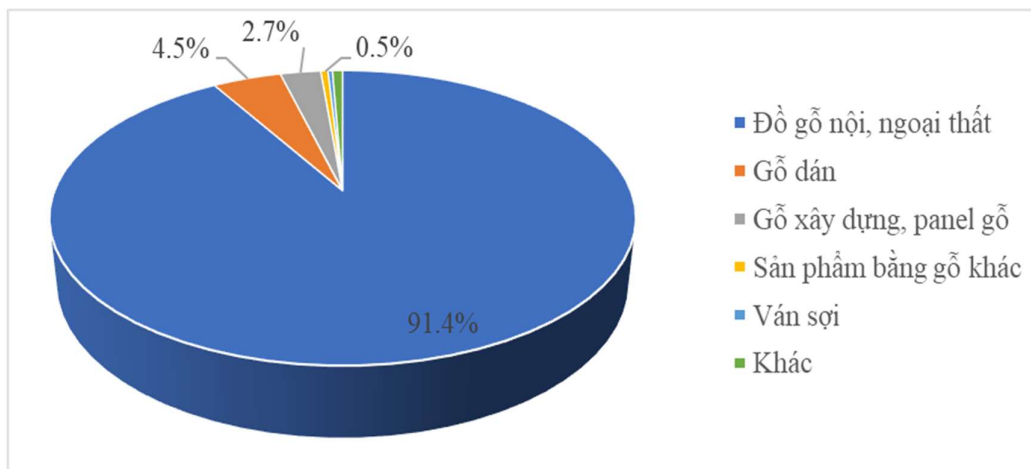
Hình 16: Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

So với cùng kỳ năm 2019, giá trị xuất khẩu một số mặt hàng tăng trong 8 tháng đầu năm như: Đồ gỗ nội, ngoại thất (tăng hơn 900 triệu USD tương đương 35%); Gỗ xây dựng, ván gỗ (tăng khoảng 38 triệu USD tương đương 57%); Gỗ dán (tăng khoảng 21 triệu USD tương đương 14%); Sản phẩm bằng gỗ khác; Ván sợi (tăng khoảng 7,3 triệu USD tương đương 158%); Gỗ xẻ (tăng 2,7 triệu USD tương đương với hơn 11 lần).

Hình 17: Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ trong 8 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ngược lại, một số sản phẩm giảm về giá trị xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2020 như: Gỗ khung tranh, ảnh (giảm gần 6 triệu USD, tương đương 50% so với cùng kỳ năm 2019); Phụ kiện gỗ trong xây dựng (giảm hơn 700 nghìn USD tương đương 19% so với cùng kỳ năm 2019); Than củi (giảm 31% so với cùng kỳ năm 2019); Ván lạng (giảm 34% so với cùng kỳ năm 2019)

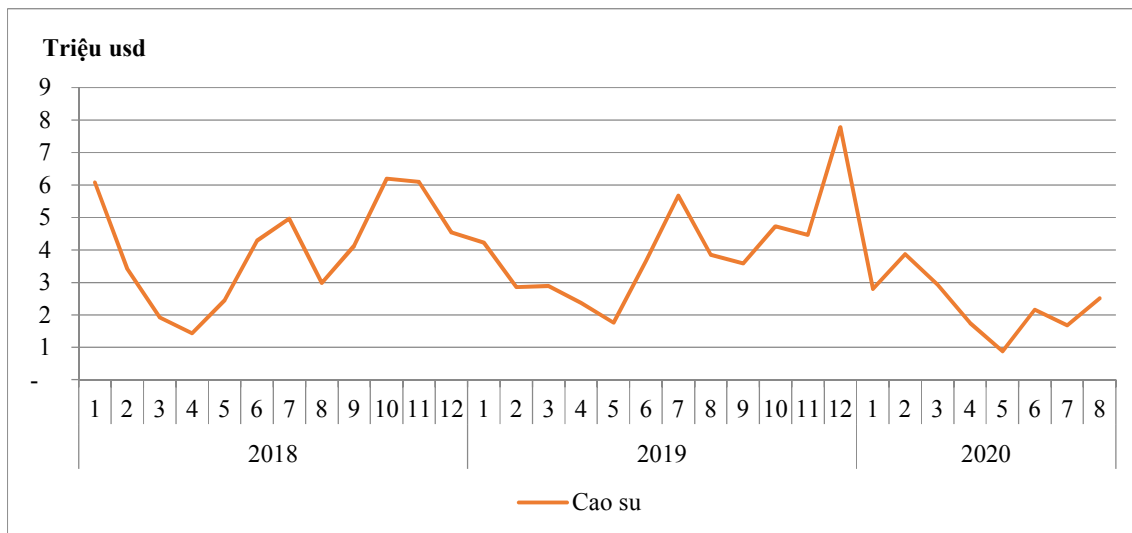
Xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong 8 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là đồ gỗ nội thất (ghế có khung gỗ, nội thất văn phòng, nội thất phòng bếp, nội thất phòng ngủ, nội thất bằng gỗ khác, bộ phận đồ gỗ) chiếm khoảng 91.4% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp đến là gỗ dán (chiếm 4.5% tổng kim ngạch) và gỗ xây dựng, ván gỗ (chiếm 2.7% tổng kim ngạch), còn lại là các mặt hàng khác

9. CAO SU

IMF cho rằng Covid-19 là cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội nghiêm trọng nhất kể từ chiến tranh thế giới thứ hai trở lại đây. Đại dịch Covid-19 đã dẫn đến tình trạng thất nghiệp tăng tại Mỹ, khiến nhu cầu tiêu dùng sụt giảm. Điều này cũng đồng nghĩa hoạt động nhập khẩu bị thu hẹp. Mặt khác, nền kinh tế yếu làm giảm nhu cầu đối với ngành xe hơi, cũng gây thiệt hại cho hoạt động nhập khẩu cao su trong đó có cao su tự nhiên.

Lũy kế 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam sang Mỹ khoảng 13,57 nghìn tấn, trị giá 18,58 triệu USD, giảm 32,99% về lượng và 31,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Nếu tính riêng trong tháng 8/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Mỹ chỉ đạt 2.058 tấn, trị giá 2,51 triệu USD, giảm 26,02% về lượng và 34,76% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 18: Giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang Mỹ

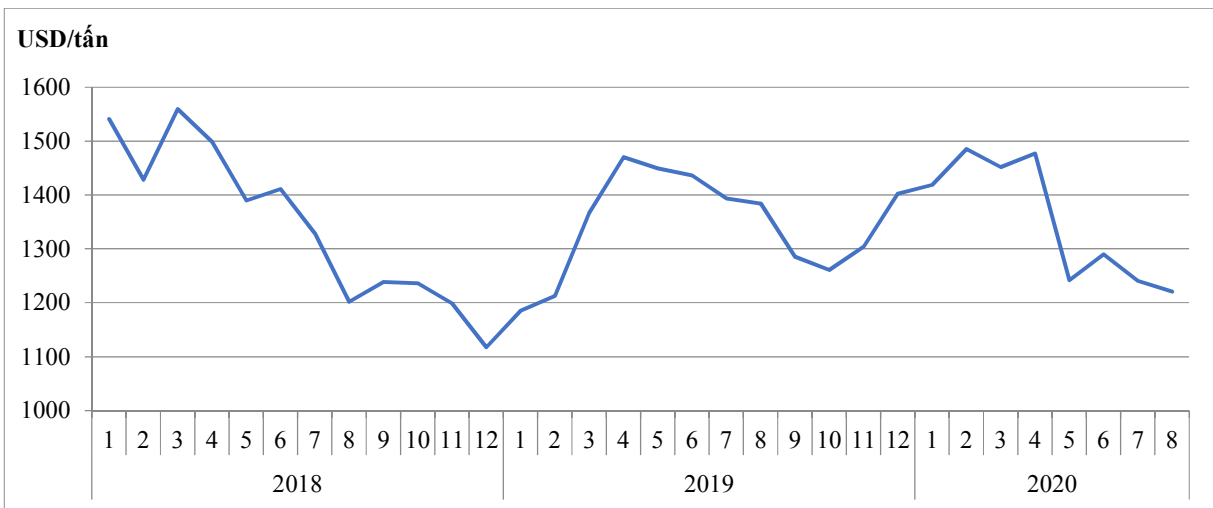


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Nền kinh tế Mỹ vẫn chưa thể hoạt động trở lại do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Theo IMF, thách thức lớn nhất đối với nền kinh tế thế giới trong thời gian tới là một bộ phận lớn dân số Mỹ sống chật vật với tình trạng mức sống suy giảm và khó khăn kinh tế. Khi đó, nhu cầu tiêu dùng tại Mỹ trượt dốc, ảnh hưởng đến tăng trưởng toàn cầu.

Những dấu hiệu xấu trong số liệu kinh tế của Mỹ đã ảnh hưởng rất lớn đến thương mại cao su, và tác động tiêu cực vào giá cao su. Trong tháng 8/2020, giá cao su tự nhiên xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ bình quân khoảng 1.220 USD/tấn, giảm 1,64% so với tháng 7/2020 và giảm 11,81% so với cùng kỳ năm 2019

Hình 19: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu bình quân sang Mỹ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Theo USDA, hầu hết các loại gạo mà Hoa Kỳ nhập khẩu từ Thái Lan là gạo thơm chất lượng cao, do người tiêu dùng nước này đang tăng thị hiếu đối với loại gạo này. Trong khi đó, xu hướng nhập khẩu gạo nếp lại giảm xuống. Hoa Kỳ cũng nhập khẩu nhiều gạo từ Ấn Độ và Pakistan, chủ yếu là gạo basmati. Dự báo việc nhập khẩu sẽ tiếp tục tăng lên trong thời gian tới, nguyên nhân chính là do dự trữ nội địa đang không nhiều. Cụ thể trong năm 2019/20, dự trữ của Hoa Kỳ đạt 910 nghìn tấn, giảm khoảng 36% so với năm 2018/19 (mà chủ yếu nguyên nhân là do sản lượng suy giảm vì mưa lớn). Đặc biệt, trong thời gian tới, dự trữ nội địa của Hoa Kỳ có thể sẽ tiếp tục giảm hơn nữa khi nước này đẩy mạnh xuất khẩu sang Brazil, quốc gia gần về địa lý với Hoa Kỳ mà đang tiến hành chính sách giảm mức thuế suất đối với gạo từ 10-12% (đối với các nước ngoài khối Mercosur – khối gồm 4 quốc gia là Argentina, Brazil, Paraguay và Uruguay) xuống còn 0% cho đến ngày 31/12/2020 trong hạn ngạch 400 nghìn tấn.

2. Cà phê

Những hy vọng hồi phục của nền kinh tế Hoa Kỳ bị đứt đoạn khi các thông số kinh tế quý II/2020 của Hoa Kỳ được công bố giảm 33%, là mức giảm sâu nhất tính từ thời kỳ Đại Khủng hoảng và giảm gấp đôi so với đợt khủng hoảng 2008-2009. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo rằng tiêu thụ cà phê sẽ giảm sâu nhất lần đầu tiên kể từ 10 năm qua.

3. Thủy sản

Dự báo, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ thảng trong thời gian tới vẫn giữ được mức độ tăng trưởng ổn định, một số mặt hàng xuất khẩu có xu hướng tăng mạnh như tôm và cá ngừ. Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong quý IV không tăng mạnh do Ấn Độ và Ecuador chuyển hướng tăng xuất khẩu sang Hoa Kỳ vì gặp khó ở Trung Quốc (chậm thông quan và gặp vấn đề trong vệ sinh...). Tuy nhiên, với lợi thế về thuế chống bán phá giá thấp ở một số mặt hàng như tôm. Theo các chuyên gia dự báo, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Hoa Kỳ trong cả năm 2020 dự báo vẫn tăng khoảng 20% so với năm 2019.

Kênh tiêu dùng thủy sản tại thị trường Hoa Kỳ có nhiều thay đổi do tác động của Covid 19. Bán lẻ thủy sản đông lạnh ở Hoa Kỳ tiếp tục có xu hướng tăng trong những tháng gần đây. Theo IRI và 210 Analytics, trong tuần kết thúc vào ngày 23/8/2020, doanh số bán thủy sản đông lạnh tăng 42% và khối lượng tăng 34% so với cùng kỳ năm 2019. Các nhà phân tích kỳ vọng người Hoa Kỳ quan tâm vấn đề ăn uống lành mạnh sẽ thúc đẩy tiêu thụ thủy sản trong tương lai gần. Ngoài ra, nhu cầu mua hàng tạp hóa của người Hoa Kỳ - đặc biệt là thủy sản đông lạnh - dự kiến sẽ tiếp tục tăng vào mùa thu và mùa đông năm nay, một

phần do xu hướng tự trường. Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản cần chú ý những thay đổi này. Doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ nên tập trung vào các sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng như tôm dễ bóc vỏ EZ, thủy sản đông lạnh... để phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của phân khúc này.

4. Hồ tiêu

Bất chấp tác động của dịch Covid-19, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ trong 8 tháng đầu năm 2020 vẫn tăng trưởng tốt về lượng xuất khẩu, tuy nhiên chịu ảnh hưởng chung trong xu hướng giá giảm trên thị trường thế giới nên giá trị xuất khẩu không đạt được như kỳ vọng. Trong tháng 8, xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ giảm nhẹ cả về giá trị và lượng nhưng giá xuất khẩu bình quân lại tăng nhẹ do các hoạt động mua bán trên thị trường sôi động hơn đã đẩy giá thế giới tăng lên. Dự báo trong thời gian tới, xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ sẽ vẫn giữ được ở mức tăng trưởng ổn định bất chấp lo ngại dịch Covid-19 sẽ bùng phát mạnh hơn trong những tháng cuối năm.

5. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Các tháng tiếp theo gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ tiếp tục đà tăng trưởng do tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát, các tháng cuối năm được kỳ vọng mức tiêu dùng sẽ tăng cao. Tuy nhiên, với thị phần ngày càng lớn, cán cân thâm hụt thương mại nghiêng về phía Hoa Kỳ ngày càng cao, gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam cần chú ý đến nguy cơ gian lận thương mại, giả xuất xứ hàng hóa, các biện pháp phòng vệ thương mại từ Hoa Kỳ.

6. Cao su

Sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh, gây ra sự gián đoạn kinh tế và cao su cũng không ngoại lệ. Các chuyên gia đều nhận định rằng nhu cầu yếu dẫn đến giá cao su thế giới giảm và mức tồn kho cao lại càng gia tăng áp lực lên giá. Cho đến nay, chưa có dấu hiệu tích cực cho thấy giá cao su sẽ trở lại bình thường hoặc có xu hướng tăng – đối với thị trường Mỹ. Triển vọng xuất khẩu cao su sang Mỹ phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả kiểm soát dịch Covid-19 và tốc độ phục hồi kinh tế của quốc gia này.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 8/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 8/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T7/2020	Tăng /giảm so T8/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	19.123.564	9,93%	40,60%	1.74%
2	Cao su	2.511.765	49,83%	-34,76%	0.23%
3	Chè	373.899	-41,96%	-62,03%	0.03%
4	Gạo	908.042	-11,97%	-22,31%	0.08%
5	Gỗ và SP gỗ	722.973.269	1,52%	49,30%	65.64%
6	Rau quả	15.274.466	17,45%	-2,24%	1.39%
7	Thủy sản	182.862.039	-0,81%	19,89%	16.60%
8	Hạt điều	88.755.663	28,92%	-10,62%	8.06%
9	Hạt tiêu	11.558.834	-7,17%	-6,37%	1.05%
10	Mây tre đan	22.195.749	-5,03%	79,51%	2.02%
11	SP từ cao su	23.454.446	23,69%	41,25%	2.13%
12	TĂGS và nguyên liệu	11.136.015	0,60%	131,66%	1.01%
13	Thịt và SP thịt	229.956	-10,88%	-38,94%	0.02%
Tổng XK NLTS		1,101,357,707	3.39%	34,67%	100%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 8/2020

Đơn vị: USD

T T	Loại sản phẩm	Tháng 8/2019		Tháng 8/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)
1	Gạo thơm	1.009	707.237	900	645.288	-10,8%	-8,8%
2	Gạo trắng	658	323.877	319	163.727	-51,6%	-49,4%
3	Gạo Japonica	74	55.134	62	45.647	-16,1%	-17,2%
4	Các loại gạo khác	56	82.562	29	53.380	-48,5%	-35,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 8/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 8/2019 (Triệu USD)	Tháng 8/2020 (Triệu USD)	So sánh T8.2020/T8.2019
	Tổng giá trị XK	15,623,740	15,274,466	-2.2%
1	Thanh long	3,204,130	1,880,152	-41.3%
2	Sầu riêng	467,294	1,448,687	210.0%
3	Dừa	910,587	1,250,046	37.3%
4	Ngô	571,984	679,675	18.8%
5	Mãng cầu	517,294	632,239	22.2%
6	Dứa	434,176	614,435	41.5%
7	Nấm các loại	1,142,766	560,983	-50.9%
8	Nhãn	741,841	381,240	-48.6%
9	Xoài	478,413	376,657	-21.3%
10	Dưa chuột	407,125	311,071	-23.6%
11	Chanh	366,028	294,798	-19.5%
12	Vải	122,080	68,699	-43.7%
13	Chôm chôm	1,337	-	-100.0%
14	Vú sữa	-	-	-
15	Khác	6,258,686	6,775,785	8.3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Hoa Kỳ tháng 8/2020

TT	Sản phẩm	T8/2019 (USD)	T8/2020 (USD)	So sánh T8.2020/2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	376.588,3	229.956,2	-38,9%
1	Đùi ếch đông lạnh	352.766,3	212.068,7	-39,9%
2	Động vật sống (ba ba tron, kỳ tôm)	23.822,0	17.887,5	-24,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8 năm 2020

TT	Loại sản phẩm	Tháng 8/2019 (USD)	Tháng 8/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
1	Cá ngừ	28.118.193,75	29.293.353,70	4,18
2	Cá tra	20.204.111,34	20.771.311,92	2,81
3	Cua - ghẹ	1.516.454,11	6.501.205,78	328,71
4	Mực và bạch tuộc	1.169.652,24	623.484,84	-46,69
5	Tôm sú	10.820.984,15	6.475.765,10	-40,16
6	Tôm thẻ chân trắng	72.506.654,65	102.140.775,25	40,87
7	Tôm loại khác	1.647.135,65	1.102.014,69	-33,10
8	Thủy sản khác	16.539.373,10	15.954.127,72	-3,54

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bản tin được thực hiện bởi



VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ : 16, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email : info@agro.gov.vn

Website : www.agro.gov.vn